

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 380/2025/DS-PT

Ngày: 24/6/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt.

Bà Trương Thị Tuyết Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 05 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 909/2025/QĐ-PT ngày 21/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trịnh Văn T, sinh năm 1956;

Đại diện theo ủy quyền của ông T: Trịnh Văn M, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969;

Trịnh Văn Bé T1, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H;

Tại phiên tòa: Có mặt bà H, vắng mặt ông Bé T1; Anh Trịnh Văn M có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Văn T trình bày: Do là chỗ bà con nên ông T có tham gia dây hui do bà Nguyễn Thị H làm chủ hui cụ thể như sau: Hui 2.000.000 đồng, khai hui ngày 25/02/2022 (âm lịch), dây hui này có 28 phần, ông T tham gia 02 phần, một tháng khai 01 lần, đã hốt 01 phần vào tháng

02/2024 âm lịch và đã đóng đủ tiền hội hàng tháng. Hội đã kết thúc ngày 10/5/2024 âm lịch nhưng đến nay bà Nguyễn Thị H không giao tiền hội phần còn lại. Dây hội này bà H nợ là 54.000.000 đồng – 800.000 đồng (tiền huê hồng) = 53.200.000 đồng;

Xét thấy tại thời điểm tham gia hội do bà H làm chủ hội là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông Bé T1, số tiền hội nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy đây là nợ chung của vợ chồng bà H và ông Bé T1 cả hai đều có nghĩa vụ trả nợ. Ông T khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị H và Ông Trịnh Văn Bé T1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền hội là 53.200.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

**. Tại phiên hòa giải ngày 25/11/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Thừa nhận thông tin chơi hội như nguyên đơn đã trình bày. Dây hội này, nguyên đơn tham gia 02 phần, đã hốt 01 phần, hiện hội đã mãn nhưng bà chưa giao hội cho nguyên đơn. Nay sự việc hội bế không ai mong muốn, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 53.200.000 đồng sau khi trừ đi 800.000 đồng tiền huê hồng. Xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến hết nợ;

Đối với ông Trịnh Văn Bé T1 hoàn toàn không liên quan gì đến hội hè, nợ nần. Toàn bộ là nợ của cá nhân bà H, bà vay nợ để xoay sở các khoản hội và công việc làm ăn. Ông T1 biết việc bà H tổ chức hội từ năm 2010 đến nay nhưng hoàn toàn không can dự vào công việc của bà.

** Tại Tờ tự khai ngày 17/12/2024, bị đơn ông Trịnh Văn Bé T1 trình bày:* Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H, ở chung nhà. Tuy nhiên việc bà H chơi hội, nợ nần gì khi nào, với ai, ông hoàn toàn không biết. Việc bà H chơi hội là để tiêu xài cá nhân. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông liên đới trả nợ cùng với bà H, ông hoàn toàn không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các điều 274, 278, 280, 288, 351, 357, 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T1 phải liên đới trả cho ông Trịnh Văn T số tiền nợ hội là 53.200.000 đồng (Năm mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trịnh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T1 chậm trả

tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T1 phải chịu 2.660.000 đồng (*Hai triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 04/02/2025, bị đơn Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, ông Trịnh Văn Bé T1 không có trách nhiệm liên đới cùng bà trả nợ hui cho ông Trịnh Văn T;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả số tiền 53.200.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, văn bản ủy quyền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hui” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân Sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 07/02/2025 và biên lai nộp tạm ứng án phí ngày 20/02/2025, ngày nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là ngày 07/02/2025 thì người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, ông Bé T1 vắng mặt, anh M có văn bản xin vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định;

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo bà H về việc đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét việc tham gia hội của ông Trịnh Văn T do bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn Nguyễn Thị H thì ông Trịnh Văn T có tham gia 01 dây hội ngày 25/02/2022 (âm lịch) do bà H làm chủ thảo, dây hội này có 28 phần, ông T tham gia 02 phần, một tháng khui 01 lần. Ông T đã hót 01 phần vào tháng 02/2024 âm lịch và đã đóng đủ tiền hội hàng tháng. Hội đã kết thúc ngày 10/5/2024 âm lịch nhưng đến hiện tại bà Nguyễn Thị H không giao tiền hội phần còn lại cho ông Trịnh Văn T và còn nợ số tiền hội 53.200.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến hết số tiền 53.200.000 đồng và không được ông Trịnh Văn T đồng ý;

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền hội 53.200.000 đồng cho ông Trịnh Văn T là có căn cứ.

[2.2]. Xét trách nhiệm liên đới của ông Trịnh Văn Bé T1, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ hội cho ông Trịnh Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H cho rằng: Khi bà Nguyễn Thị Hồng C hội ông Trịnh Văn Bé T1 không biết, nên một mình bà Nguyễn Thị Hồng T2 trả nợ cho nguyên đơn ông Trịnh Văn T, không liên quan đến ông Trịnh Văn Bé T1;

Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T1 cũng không chứng minh được việc số tiền có được từ việc làm chủ thảo của bà Nguyễn Thị H nhằm mục đích sử dụng riêng của bà Nguyễn Thị H;

Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T1 là vợ chồng, số tiền nợ hội phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T1;

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Trịnh Văn Bé T1 cùng với bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trịnh Văn T số tiền nợ hội là 53.200.000 đồng là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài những chứng cứ mà bà H cung cấp trong giai đoạn sơ thẩm thì bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà H nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H;

Vì thế Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST, ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn Bé T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Văn T số tiền 53.200.000 đồng (năm mươi triệu, hai trăm ngàn đồng);

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông Tư C1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Trịnh Văn Bé T1 phải chịu 2.660.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003826 ngày 04/02/225 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trương Vĩnh Hữu